

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 8 năm 2019  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ngư
2. Ông Lâm Ngọc Hà

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* bà  
**Huỳnh Mộng Kiều**, Kiểm sát viên

Ngày 22/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02  
năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
64/2019/QĐXX-ST, ngày 17/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-  
HNGĐ ngày 09/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Sà B**, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Ấp Trà Q A, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đinh C**, sinh năm 1979,

Địa chỉ: Ấp Trà Q A, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019 và các lời khai trong quá  
trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Thạch Thị Sà B  
trình bày:*

Bà và ông Đinh C sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân  
thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T ngày 05/3/2013. Trong quá trình chung  
sống, bà và ông C có 03 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh  
Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 và Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009.  
Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, sống chung không hợp nhau và

thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, bà B cảm thấy sống chung không có hạnh phúc. Nay bà Thạch Thị Sà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Sà B yêu cầu được ly hôn với ông Đinh C.

Về con chung: 03 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 và Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009, bà đồng ý giao cho ông Đinh C được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Đối với ông Đinh C là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị Sà B xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện, cụ thể yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 đến trưởng thành và không yêu cầu bị đơn ông Đinh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### ***Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:***

[3] Nguyên đơn Thạch Thị Sà B yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn ông Đinh C, về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 và không yêu cầu bị đơn Đinh C cấp dưỡng nuôi con, con chung tên Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009 bà B đồng ý giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B, ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B cho bà được ly hôn với ông C.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà B và ông C có 03 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 và Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009. Tại phiên tòa hôm nay, bà B yêu cầu được

trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 đến trưởng thành và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009, bà B đồng ý giao cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và bà B không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian bà B và ông C xảy ra mâu thuẫn, cháu H, cháu H và cháu Như là con chung của ông bà, cháu H và cháu H đang sống chung với bà B ổn định, riêng cháu N đang sống chung với ông C ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo nguyện vọng của cháu H và cháu H là được sống chung với mẹ, riêng cháu Như có nguyện vọng được sống chung với cha và hiện nay ông C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông C vắng mặt không có văn bản hay ý kiến gì gởi cho Tòa án. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Giao cháu H và cháu H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Như cho ông Đinh C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông C không trực tiếp nuôi con chung là cháu H và cháu H, bà B không trực tiếp nuôi con chung là cháu Như nhưng vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà B không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét. Đối với ông C, tại phiên tòa vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gì về việc yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi cháu Như, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Sà B được ly hôn với ông Đinh C, về con chung: Giao cháu Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành; giao cháu Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009 cho ông Đinh C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn ông C tại phiên tòa vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gì về việc yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi cháu N, nên không đặt ra xem xét, về tài sản và nợ chung: Không có, bà B không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

#### **Tuyên xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thạch Thị Sà B được ly hôn với ông Đinh C.

*1.1. Về con chung:* Giao cháu Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 17/7/2004, Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2006 cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành; giao cháu Đinh Thị Ngọc N, sinh ngày 11/9/2009 cho ông Đinh C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

*1.2. Về cấp dưỡng:* Bà B và ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

Bị đơn ông Đinh C không trực tiếp nuôi con chung là cháu H và cháu H và bà B không trực tiếp nuôi con chung là cháu N, có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

*1.3. Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

*2. Về án phí sơ thẩm:* Bà Thạch Thị Sà B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006755, ngày 19/02/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành

án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- [UBND thị trấn Châu Thành](#);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nhẫn**